

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

NGUYỄN HỮU THỐNG

Trường Đại học Khánh Hòa

Email: nguyenuhuuthong@ukh.edu.vn

Tóm tắt: Quản lý hoạt động đào tạo ở trường đại học thực chất là quá trình thực hiện tốt các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đại học. Hiện nay, tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng giáo dục đại học chính là công tác đảm bảo chất lượng đào tạo trong trường đại học. Trường Đại học Khánh Hòa trong thời gian qua đã đạt được những bước tiến đáng kể nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Từ các kết quả khảo sát, tác giả đã phân tích, đánh giá những thành tựu, hạn chế từ đó làm cơ sở để đề xuất một số giải pháp quản lý công tác đào tạo tại Trường Đại học Khánh Hòa, góp phần khắc phục và hoàn thiện các mặt còn hạn chế trong công tác quản lý chất lượng hoạt động đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Thực trạng; quản lý hoạt động đào tạo; Trường Đại học Khánh Hòa.

(Nhận bài ngày 15/8/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 19/9/2016; Duyệt đăng ngày 27/11/2016).

1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Khánh Hòa hoạt động theo phương thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhân sự và mọi hoạt động của nhà trường theo sự phân cấp và quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Hiện nay, trường có 22 đơn vị trực thuộc: 09 phòng chức năng, 07 khoa, 06 trung tâm. Trong quá trình hoạt động, bộ máy quản lý của nhà trường hoạt động hiệu quả, lãnh đạo nhà trường đã thực hiện theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế về cơ cấu tổ chức, có quy chế cụ thể về tổ chức, hoạt động của trường, có các văn bản phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và của các cá nhân trong trường, lãnh đạo nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện cũng có nhiều điểm còn hạn chế như: Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý các hoạt động của nhà trường tuy được phổ biến trong toàn trường nhưng có nhiều cán bộ chưa nắm rõ. Sự phân định trách nhiệm và quyền hạn cho tập thể lãnh đạo hay cá nhân chưa có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành và cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, nhiều cán bộ vẫn còn chưa nhận thức rõ về sức mạnh của Đảng, chưa có tinh thần đoàn kết lẫn nhau.

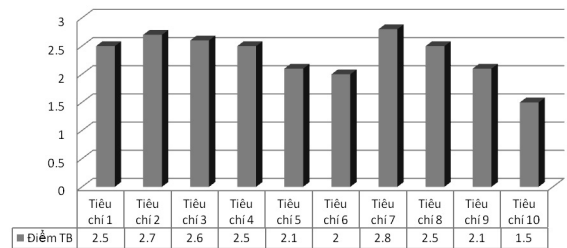
2. Thực trạng quản lý chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Khánh Hòa

Khách thể nghiên cứu là 70 cán bộ quản lý và giảng viên, 530 sinh viên (SV). Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 16.0.

2.1. Thực trạng về cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy quản lý

Qua khảo sát 70 cán bộ (bao gồm cán bộ quản lý

(CBQL) và giảng viên) có tới 23,6% cán bộ đang còn mơ hồ về tất cả các vấn đề liên quan đến cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy của nhà trường.



Biểu đồ 1: Đánh giá của CBQL và giáo viên về cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy quản lý

Căn cứ vào cột Điểm trung bình của Biểu đồ 1 chúng ta thấy, nếu đặt điểm đạt là 2,5 (điểm đạt do từng đơn vị tự đánh giá đặt trong khoảng từ 2,5 đến 3) thì đa số các nội dung đều đạt, tuy nhiên có một số nội dung như: Có các văn bản phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và của các cá nhân trong nhà trường (2,1), Sự phân định trách nhiệm và quyền hạn cho tập thể lãnh đạo hay cá nhân có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành và cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu (2,0), Tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể không để xảy ra mất đoàn kết nội bộ, thu hút được CBQL, giảng viên, nhân viên, người học (2,1) là còn thấp so với mức đạt, cần cải tiến thêm. Công tác Đảng, Đoàn thể phát huy tác dụng tốt, góp phần duy trì sự ổn định trong nhà trường, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai và được đánh giá tốt trong xếp loại hàng năm (1,5) chưa đạt cần có biện pháp cải tiến để nâng cao vai trò của công tác Đảng, Đoàn thể trong nhà trường.

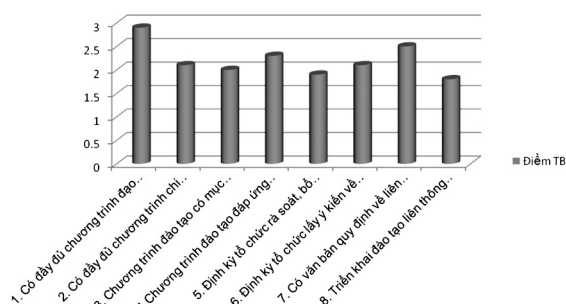


2.2. Thực trạng về quản lý chương trình đào tạo

Trong số 530 SV được khảo sát có 247 SV (46,4%) hoàn toàn không đồng ý và 125 SV (23,6%) không đồng ý với đánh giá: “SV được biết rõ mục tiêu của ngành học”.

Cũng trong phần khảo sát SV, 64,10% (327 SV) hoàn toàn không đồng ý và 8,8 % (45 SV) không đồng ý với ý kiến cho rằng cấu trúc chương trình linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho SV; 22,4% (114 SV) hoàn toàn không đồng ý và 24,9% (127 SV) không đồng ý với ý kiến cho rằng khối lượng chương trình cân đối giữa thời gian học trên lớp và tự học; 56,7% (289 SV) hoàn toàn không đồng ý và 22,2% (113 SV) không đồng ý khi nhận định tương quan giữa lý thuyết và thực hành phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Để hiểu rõ hơn các vấn đề trên chúng ta xem xét qua Biểu đồ 2 và Bảng 1 về chương trình đào tạo qua



Biểu đồ 2: Đánh giá của giảng viên và CBQL về chương trình đào tạo

Bảng 1: Đánh giá của giảng viên và CBQL về chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số (%)					
		1	2	3	4	5	TB
1	SV được biết rõ mục tiêu đào tạo của ngành học	48.4	24.5	12.4	8.8	5.9	2.0
2	Cấu trúc chương trình linh hoạt, tạo thuận lợi cho SV	64.1	8.8	9.2	15.1	2.7	1.8
3	Khối lượng chương trình cân đối giữa thời gian học trên lớp và tự học	22.4	24.9	37.6	12.7	2.4	2.5
4	Tương quan giữa lý thuyết và thực hành phù hợp với chuyên ngành đào tạo	56.7	22.2	11.2	6.5	3.5	1.8

Bảng 2: Đánh giá của SV về giảng viên và hoạt động dạy

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số (%)					
		1	2	3	4	5	TB
1	Giảng viên có kiến thức chuyên môn sâu	7.5	18.8	14.9	24.3	34.5	3.6
2	Giảng viên thường xuyên cập nhật những kiến thức mới trong bài giảng	15.9	15.3	30.8	18.2	19.8	3.1
3	Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ SV trong học tập	19	15.3	29.8	21	14.9	3.0
4	Giảng viên đảm bảo thời gian giảng dạy trên lớp theo thời khoá biểu	14.9	17.1	35.1	17.1	15.9	3.0
5	Giảng viên tạo điều kiện để SV phát triển khả năng học tập	21	22.4	34.9	17.6	4.1	2.6
6	Giảng viên có ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	11.6	9.2	25.3	36.7	17.3	3.4
7	Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy	25.1	21	22	13.1	18.8	2.8

đánh giá của đội ngũ CBQL, giảng viên và SV thể hiện dưới đây.

Căn cứ vào Điểm trung bình của Biểu đồ 2 chúng ta thấy, nếu đặt điểm đạt là 2,5 (điểm đạt do từng đơn vị tự đánh giá đặt trong khoảng từ 2,5 đến 3), đa số các nội dung đều chưa đạt; các nội dung như: Có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo của trường (2,9), Có văn bản quy định về liên thông giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo giữa các trường (2,5) tuy đạt nhưng còn thấp cần có biện pháp đẩy mạnh hơn.

Từ số liệu của Bảng 1, ta cũng rút ra được kết luận rằng đa số các nội dung chưa đạt, cần cải thiện thêm, bên cạnh đó là nội dung khối lượng chương trình cân đối giữa thời gian học trên lớp và tự học (2,5) đạt nhưng còn rất thấp cần khắc phục cho tốt hơn.

2.3. Thực trạng về quản lý phát triển đội ngũ cán bộ

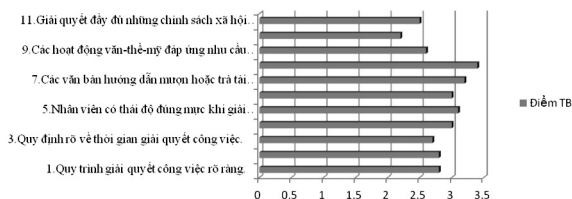
2.3.1. Quản lý đội ngũ giảng viên và hoạt động dạy

Hiện tại có thể nói số lượng giáo viên cơ hữu của trường đáp ứng với nhu cầu đào tạo: 1 phó giáo sư, 21 giảng viên có trình độ tiến sĩ (tỉ lệ 7,2%), 190 giảng viên có trình độ thạc sĩ (tỉ lệ 62,3%), 93 giảng viên có trình độ đại học (tỉ lệ 30,5%). Ngoài ra, nhà trường có 30 nghiên cứu sinh, 27 giảng viên đang học cao học. Trình độ ngoại ngữ và tin học tương đối khá, đa số giáo viên có thể sử dụng tin học, trong công tác nghiên cứu và giảng dạy (Bảng 2).

Nhìn chung tất cả các nội dung đều đạt nhưng nhiều nội dung như giảng viên thường xuyên cập nhật những kiến thức mới trong bài giảng (3,1), giảng viên đảm bảo thời gian giảng dạy trên lớp theo thời khoá biểu (3), giảng viên tạo điều kiện để SV phát triển khả năng học tập (2,6), giảng viên sẵn sàng giúp đỡ SV trong học tập (3), giảng viên sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy (2,8) chỉ ngang mức đạt (2,5 đến 3) nhưng còn quá thấp so với mức cần đạt đến, cần cải tiến thêm.

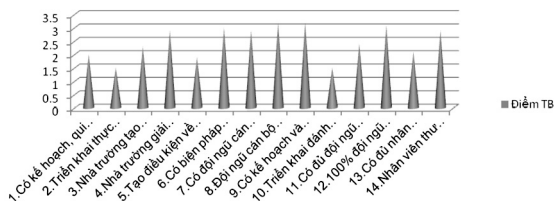
2.3.2. Quản lý công tác phục vụ đào tạo

Sự khuyến khích, hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ CBQL và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước còn hạn chế, sự phân chia công việc không đồng đều ở một số đơn vị, hạn chế về khả năng làm việc; thêm vào đó là công việc nhiều, lại có nhiều vướng mắc chưa được giải quyết, nên đôi khi đội ngũ CBQL và chuyên viên chưa có thái độ đúng mực trong giao tiếp của người phục vụ, dẫn đến những phản nản về thái độ ứng xử nơi công sở.



Biểu đồ 3: Đánh giá của SV về công tác phục vụ đào tạo

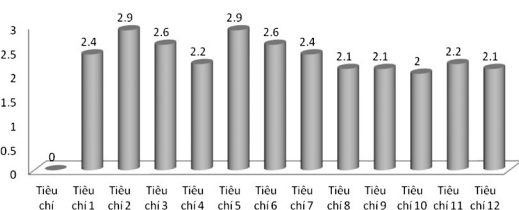
Qua Biểu đồ 3, chúng ta thấy đa số nội dung của công tác phục vụ đào tạo đều đạt nhưng còn rất thấp cần phải cải tiến nhiều. Trong khi đó nội dung SV được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trong khi học tập tại trường (2,2) chưa đạt yêu cầu, do đó cần cải thiện nội dung này cho đảm bảo tiêu chuẩn đánh giá.



Biểu đồ 4: Đánh giá của giảng viên và CBQL về phát triển đội ngũ

Qua Biểu đồ 4, chúng ta thấy đa số các nội dung đều đạt tiêu chuẩn, có một số nội dung đạt mức khá cao, tuy nhiên có nhiều nội dung tuy đạt nhưng còn quá thấp so với chuẩn mức độ cần đạt tới (3), đòi hỏi cần phải cải tiến thêm, còn lại nội dung như: Nội dung 1, 2, 3, 5, 10, 11, 13 chưa đạt cần phải có biện pháp khắc phục.

2.4. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất và thư viện



Biểu đồ 5: Đánh giá của giảng viên và CBQL về cơ sở vật chất, thư viện

Qua Biểu đồ 5, chúng ta thấy rằng đa số các nội dung về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường đều chưa đạt mức chuẩn, tuy nhiên có một số nội dung đạt nhưng còn thấp cần được cải tiến như nội dung 2, 3, 5, 6.

Bảng 3: Đánh giá của SV về cơ sở vật chất, thư viện

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm số (%)					
		1	2	3	4	5	TB
1	Đủ chỗ ngồi phục vụ SV học tập, nghiên cứu	47.3	24.7	13.9	7.8	6.3	2.0
2	Các văn bản hướng dẫn mượn hoặc trả tài liệu rõ ràng	31	25.3	20.6	15.3	7.8	2.4
3	Nhân viên có thái độ nhã nhặn khi giải quyết công việc	23.9	21.4	24.9	16.9	12.9	2.7
4	Thời gian phục vụ đáp ứng nhu cầu của SV	34.9	30.2	22.4	9.2	3.3	2.2
5	Cung cấp các yêu cầu theo đúng thời gian như quy định	21.4	23.7	30.8	9.6	14.5	2.7
6	Có đủ tài liệu đáp ứng yêu cầu chuyên môn	17.5	30.6	24.1	12.5	15.3	2.8
7	Có thể tìm tài liệu trên mạng nội bộ của thư viện	13.1	10.8	45.3	22	8.8	3.0
8	Phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV	25.3	28.6	24.9	15.3	5.9	2.5
9	Phòng học được trang bị phương tiện dạy học hiện đại đáp ứng nhu cầu của SV	31	24.7	26.7	11	6.7	2.4

Qua Bảng 3, chúng ta thấy chỉ có 05 nội dung đạt yêu cầu nhưng tỉ lệ đạt thấp cần cải tiến thêm, các nội dung còn lại đều không đạt, cần phải có biện pháp khắc phục.

3. Kết luận

Qua khảo sát thực trạng về quản lý hoạt động đào tạo ở Trường Đại học Khánh Hòa, chúng tôi nhận thấy quá trình quản lý hoạt động đào tạo ở trường có nhiều yếu tố ảnh hưởng, tác động đến. Ngoài những thuận lợi rất cơ bản thì cũng còn không ít những khó khăn, hạn chế nhất định.

Hiện nay, với sự quan tâm của các sở, ban, ngành, lãnh đạo nhà trường và đội ngũ cán bộ công nhân viên chức trong toàn trường về việc quản lý hoạt động đào tạo ở Trường Đại học Khánh Hòa đã từng bước đi lên và đạt được một số thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác quản lý hoạt động đào tạo ở Trường Đại học Khánh Hòa vẫn còn tồn tại một số điểm cần khắc phục.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lê Đức Ngọc, *Xây dựng Văn hóa chất lượng tạo nội lực cho cơ sở đào tạo đáp ứng yêu cầu của thời đại chất lượng*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 36, năm 2008.

[2]. Nguyễn Đình Phan, (2005), *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Đức Trí, (2002), *Quản lý quá trình đào tạo trong nhà trường*, Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Thái Duy Tuyên, (2001), *Giáo dục học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Seymour D., Collett C., (1991), *Total Quality Managment in Higher Educational: a Critical Assessment*, Methuen, MA: GOAL/QPC.

[6]. Stephen George, Arnold Weimerskirch, (2003), *The Portable MBA - Total Quality Management*, Copyright with John Wiley & Sons, Inc.

REAL SITUATION OF MANAGING TRAINING ACTIVITY AT UNIVERSITY OF KHANH HOA

Nguyen Huu Thong

University of Khanh Hoa

Email: nguyenhuuthong@ukh.edu.vn

Abstract: *To manage training activities at universities is a good implementation process of evaluating quality standards of higher education. Currently, criteria to assess quality of higher education are training quality assurance at universities. University of Khanh Hoa has recently made significant progress in spite of limitations. From the survey results, the author analyzed and assessed these achievements and limitations as a basis of proposing solutions for training management at University of Khanh Hoa, contributing to overcoming and completing limitations in managing quality of current training activities.*

Keywords: *Real situation; management of training activity; University of Khanh Hoa.*